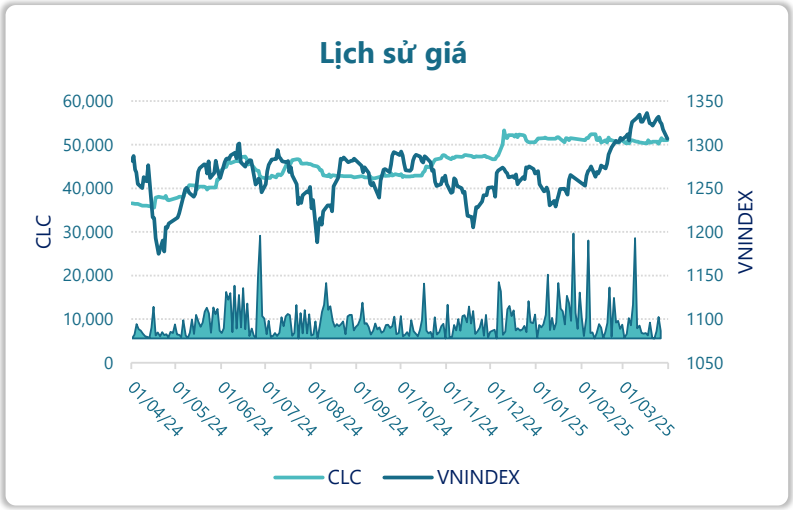
FireAnt

CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**51,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	53,275
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,557
SL cổ phiếu LH	26,207,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,605
% sở hữu nước ngoài	2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,337
P/E	9.7
EPS	5,284

DT thuần

Q1/25

953

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.0| -2.3%

YoY: ▲ 40.0| 4.3%

LN sau thuế

Q1/25

40.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.4| 49.4%

YoY: ▼11.8| -22.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.7%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2024

3,692

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 721| 24.3%

LN sau thuế

2024

150

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.0| 7.0%

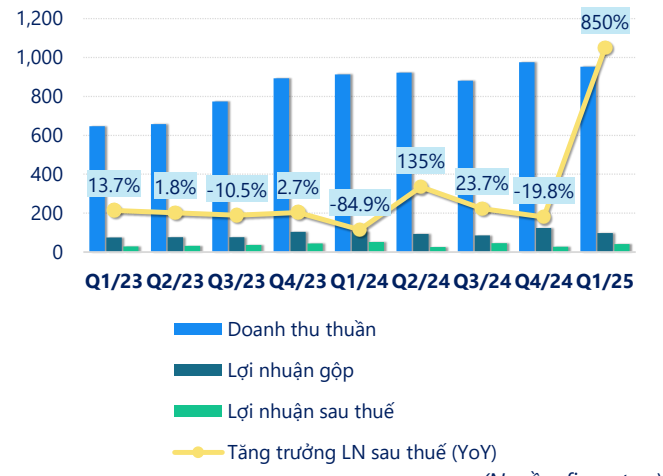
ROE

2024

16.8%

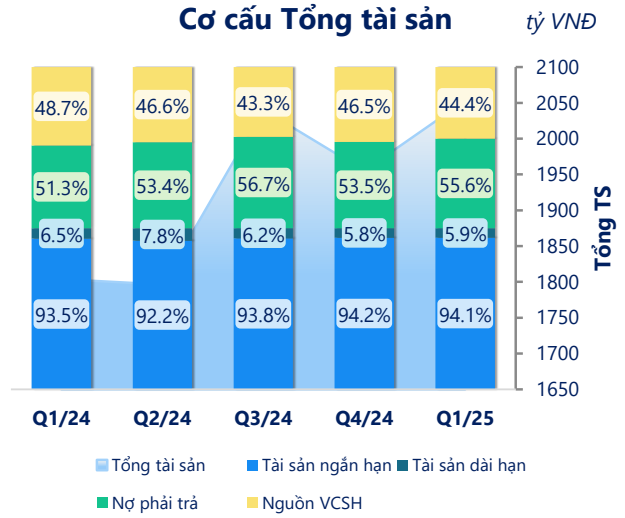
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



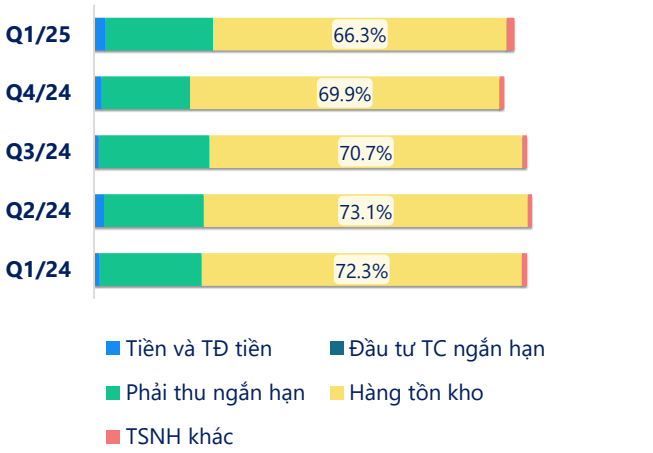
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



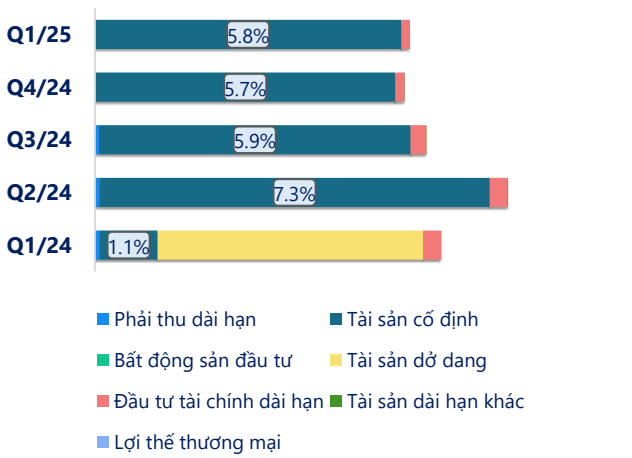
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



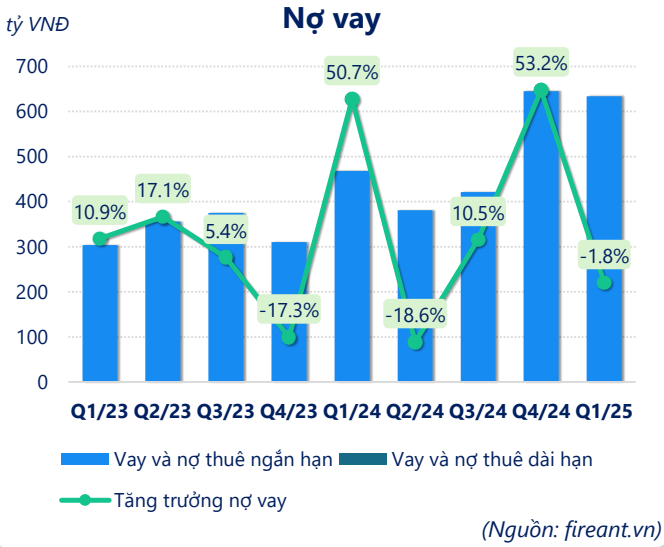
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



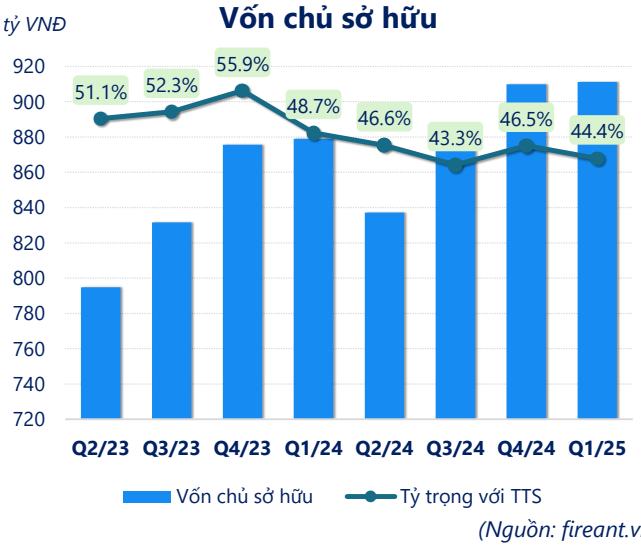
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



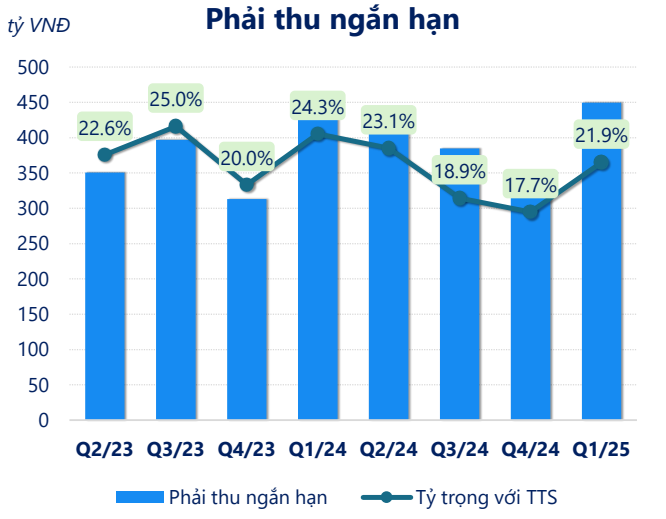
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



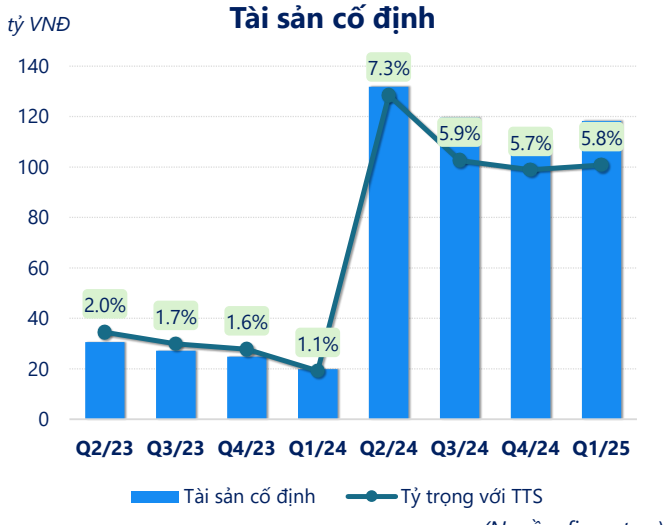
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



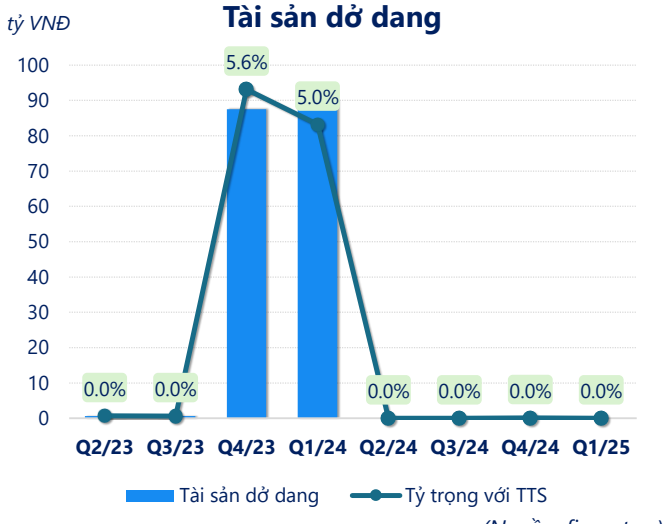
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



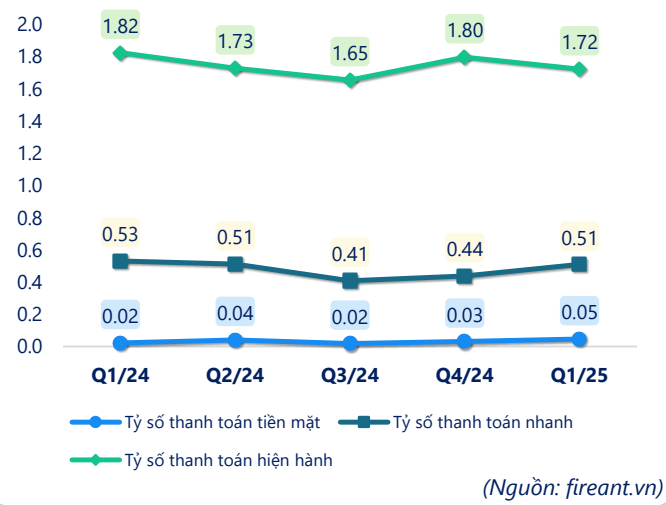
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



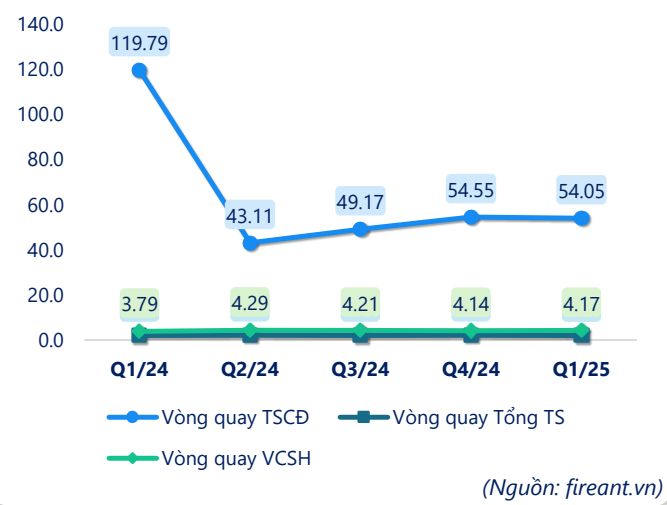
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,804**	**1,797**	**2,040**	**1,955**	**2,053**
Tài sản ngắn hạn	**1,687**	**1,657**	**1,913**	**1,841**	**1,932**
Tiền và tương đương tiền	20.7	39.8	21.2	32.0	51.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	439	415	385	346	449
Hàng tồn kho	1,196	1,167	1,441	1,392	1,360
Tài sản ngắn hạn khác	31.5	35.2	65.8	71.7	69.8
Tài sản dài hạn	**117**	**139**	**127**	**114**	**122**
Phải thu dài hạn	1.51	1.51	1.51	0	0
Tài sản cố định	19.8	132	120	110	118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	90.1	0	0	0.11	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.00	6.00	6.00	3.23	3.23
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.12	0.09	0.16	0.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**925**	**960**	**1,158**	**1,045**	**1,142**
Nợ ngắn hạn	**924**	**959**	**1,156**	**1,025**	**1,121**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	468	381	421	645	634
Phải trả người bán ngắn hạn	332	390	580	323	420
Nợ dài hạn	0.51	0.51	1.76	20.8	20.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**879**	**837**	**883**	**910**	**911**
Vốn chủ sở hữu	**879**	**837**	**883**	**910**	**911**
Vốn điều lệ	262	262	262	262	262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)